TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 376/2024/QĐST–HNGĐ

Quận G, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2024/HNST ngày 03 tháng 04 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1983;
Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1982;
Cùng địa chỉ thường trú: 76/1 Nguyễn Thị T1, Khu phố C, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành P.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 88, Quyển số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2009 không còn giá trị pháp lý).

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị Hồng T có 02 con chung. Họ tên là:

1. Nguyễn Thành P1 (nam), sinh ngày 18/06/2011.

2. Nguyễn Thị Kim N (nữ), sinh ngày 23/10/2015.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông Nguyễn Thành P là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc hai con chung là trẻ Nguyễn Thành P1 (nam), sinh ngày 18/6/2011 và trẻ Nguyễn Thị Kim N (nữ), sinh ngày 23/10/2015, bà Nguyễn Thị Hồng T không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23P số 0019012 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trương Như T2